

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 417/2024/DS-PT  
Ngày: 30-9-2024  
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Ngọc Yến

Bà Trần Thị Thanh Thúy

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 331/2024/TLPT-DS ngày 10 tháng 9 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 73/2024/DS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 334/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** ông Nguyễn Hữu Tuấn A, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số 633 Ấp 3, xã Hướng Thọ Phú, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

**Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** ông Võ Văn U, sinh năm 1975;

Địa chỉ: 201 Trần Hưng Đạo, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị đơn:**

1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1974;

2. Ông Lê Sĩ H2, sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: ấp Bà Nghiệm, xã Mỹ Lạc, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà Phạm Thị Thanh T, sinh năm: 1989;

Địa chỉ: Số 633 Ấp 3, xã Hướng Thọ Phú, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* ông Võ Văn U, sinh năm 1975;

Địa chỉ: 201 Trần Hưng Đạo, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* ông Nguyễn Hữu Tuấn A - Nguyên đơn.

(Ông A, ông U, bà H1 và ông H2 có mặt tại phiên tòa).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 02-6-2024, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Tuấn A trình bày:*

Vào ngày 19-4-2023, bà H1 và ông H2 có vay của ông Nguyễn Hữu Tuấn A 150.000.000 đồng, hạn trả 02 tháng, lãi suất 3%/tháng, khi đó ông Tuấn giao tiền cho bà H1 ông H2. Ngày 19-6-2023, ông H2 bà H1 tiếp tục vay số tiền 150.000.000 đồng, hạn trả ngày 19-9-2023, lãi suất 3%/tháng, khi đó bà Phạm Thị Thanh T là vợ ông Tuấn A đưa tiền cho ông H2 do ông Tuấn A không có ở nhà. Đến hạn trả bà H1 ông H2 không trả vốn và lãi cho ông Tuấn A. Ông Tuấn A đòi thì bà H1 ông H2 tiếp tục xin thêm thời gian trả vào ngày 19-9-2023 và ngày 19-12-2023 nhưng đến nay vẫn chưa trả. Nay ông Nguyễn Hữu Tuấn A yêu cầu bà H1 ông H2 phải liên đới trả cho ông 300.000.000 đồng tiền vốn vay và tiền lãi theo lãi suất 1.67% tháng từ ngày vay đến ngày xét xử. Ngoài ra nguyên đơn không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 và ông Lê Sĩ H2 trình bày:*

Vào ngày 19-4-2023, bà H1 và ông H2 có vay của ông Nguyễn Hữu Tuấn A 150.000.000 đồng, hạn trả 02 tháng, lãi suất 3%/tháng. Giấy mượn tiền do bà T vợ ông Tuấn A viết và bà H1 ông H2 ký tên. Sau khi vay tiền ông bà đã trả lãi 02 tháng số tiền 6.000.000 đồng nhưng không lập biên nhận. Ông Tuấn A có gọi điện thoại đòi tiền gốc nhưng do bà H1 ông H2 không có tiền trả nên kêu bà H1 ông H2 tới nhà làm lại giấy khác do giấy cũ bị mất. Ngày 19-6-2023, bà H1 ông H2 tới nhà nhưng gặp vợ của ông Tuấn A do ông Tuấn A không có nhà, khi đó bà Phạm Thị Thanh T là vợ Tuấn A đã viết giấy mượn tiền với nội dung “hôm nay ngày 19-6-2023 tôi có mượn của ông Nguyễn Hữu Tuấn A số tiền 150.000.000đ với thời hạn 03 tháng tính từ ngày 19-6-2023 đến ngày 19-9-2023 sẽ hoàn trả lại số tiền trên cho ông Nguyễn Hữu Tuấn A và kèm lãi”. Giấy mượn tiền này do bà H1 ký. Đến ngày 19-6-2023, bà H1 ông H2 không có tiền trả gốc mà chỉ trả 6.000.000đ tiền lãi (không lập giấy tờ biên nhận). Đến ngày 19-9-2023, ông H2 mới xin gia hạn thêm 03 tháng đến ngày 19-12-2023, ông H2 tự viết và ký tên vào mặt sau của giấy mượn tiền ngày 19-6-2023. Đến hạn, bà H1 ông H2 không có khả năng để trả lãi và gốc cho ông Tuấn A nên ngày 19-12-2023 ông H2 tiếp tục xin gia hạn tới khi bán lúa Đông Xuân sẽ trả, ông H2 tự viết

và ký tên vào giấy mượn tiền. Đến khi thu hoạch lúa Đông Xuân thì bà H1 và ông H2 vẫn chưa có tiền trả nên nợ đến nay. Nay bà H1 và ông H2 xác định có ký tên vào 02 giấy mượn tiền ghi ngày 19-4-2023 và 19-6-2023 tuy nhiên ông bà xác định đây chỉ là một khoản nợ vay vào ngày 19-4-2023. Khi ông bà ký tên vào giấy mới ngày 19-6-2023 thì ông Tuấn A không hủy giấy cũ ngày 19-4-2023 và đem đi kiện bà H1 ông H2. Nay bà H1 ông H2 thừa nhận nợ ông Tuấn A số tiền 150.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định. Ông bà thống nhất các bên thỏa thuận lãi suất 3% tháng. Ông bà xác định không thân thiết với ông Tuấn A chỉ làm ăn mua bán gạo chung một lần. Ngoài ra trước đó ông Tuấn A có cho ông bà vay 2.500.000.000 đồng để đảo hạn ngân hàng và ông bà đã trả xong, từ đó ông bà quen biết mới vay số tiền 150.000.000 đồng lần này. Ngoài ra không ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Tòa án tiền hành hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 73/2024/DS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các điều: 35, 39, 217, 219, 147, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Tuấn A đối với bà Nguyễn Thị H1 và ông Lê Sĩ H2 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

Buộc bà Nguyễn Thị H1 và ông Lê Sĩ H2 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu Tuấn A tổng cộng 187.909.000 đồng bao gồm 150.000.000 đồng tiền gốc vay và tiền lãi là 37.909.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23-7-2024) cho đến khi thi hành án xong thì hàng tháng, bà Nguyễn Thị H1 và ông Lê Sĩ H2 còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Tuấn A đối với bà Nguyễn Thị H1 và ông Lê Sĩ H2 đối với số tiền 182.899.000đ

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02-8-2024, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Tuấn A kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Giấy vay tiền ngày 19-4-2023 và ngày 19-6-2023 là hai khoản vay khác nhau. Giấy nợ sau không có ghi là khoản nợ trước đây. Ông Tuấn A chỉ yêu cầu bên bị đơn viết cam kết của một giấy nợ là do sơ suất. Yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 và ông Lê Sĩ H2 trình bày:*

Giấy vay tiền ngày 19-4-2023 ông, bà chưa trả lại cho vay tiếp là không hợp lý. Ông Tuấn A yêu cầu ghi cam kết chỉ trên một giấy nợ với số tiền gốc vay 150.000.000 đồng, hoàn toàn không có cam kết số tiền vay 300.000.000 đồng.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đơn kháng cáo của ông Tuấn A trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Xét thấy mặt sau Giấy vay tiền ngày 19-6-2023 chỉ ghi cam kết trả số tiền gốc 150.000.000 đồng và cam kết lần hai cũng 150.000.000 đồng. Ông Tuấn A cho rằng đến nhà bà H1, ông H2 để đòi nợ 300.000.000 đồng là không có căn cứ. Nguyên đơn còn cho rằng ngày 19-9-2023 đòi 150.000.000 đồng, còn giấy cho vay tiền ngày 19-4-2023 sẽ đòi sau là không phù hợp. Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện bà H1 và ông H2 chỉ vay của ông Tuấn A một khoản nợ là 150.000.000 đồng nên bản án sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Tuấn A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Tuấn A đúng theo quy định tại các điều 272, 273 và 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Ông Tuấn A kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Ông Nguyễn Hữu Tuấn A khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H1 và ông Lê Sĩ H2 phải liên đới trả số tiền 300.000.000 đồng vốn vay và tiền lãi theo lãi suất 1.67% tháng từ ngày vay đến ngày xét xử. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” và giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Thấy rằng, tại Giấy mượn tiền ngày 19-4-2023 có nội dung: Tôi tên Lê Sĩ H2 và Nguyễn Thị H1 có mượn của ông Nguyễn Hữu Tuấn A số tiền 150.000.000 đồng. Với thời gian 02 tháng sẽ hoàn trả lại số tiền trên; tại Giấy

mượn tiền ngày 19-6-2023 có nội dung: Tôi tên Nguyễn Thị H1. Hôm nay ngày 19-6-2023 tôi có mượn của ông Nguyễn Hữu Tuấn A số tiền 150.000.000 đồng. Với thời gian 03 tháng tính từ ngày 19-6-2023 đến ngày 19-9-2023 sẽ hoàn trả lại số tiền trên cho ông Nguyễn Hữu Tuấn A.

[4] Bà Nguyễn Thị H1 và ông Lê Sĩ H2 thừa nhận có ký tên vào 02 giấy mượn tiền ngày 19-4-2023 và ngày 19-6-2023, tuy nhiên ông bà xác định chỉ vay ông Nguyễn Hữu Tuấn A số tiền 150.000.000 đồng vào ngày 19-4-2023. Khi ông bà ký tên vào giấy mới ngày 19-6-2023 thì ông Tuấn A không hủy giấy cũ ngày 19-4-2023 và đem đi kiện bà H1 ông H2. Nay bà H1 ông H2 thừa nhận nợ ông Tuấn A số tiền 150.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định. Ông bà thống nhất các bên thỏa thuận lãi suất 3% tháng.

[5] Nguyên đơn trình bày hai lần đến nhà bị đơn để đòi số tiền 300.000.000 đồng nhưng mặt sau của tờ giấy mượn tiền ngày 19-6-2023 đến hạn là ngày 19-9-2023 ông H2 và bà H1 không có tiền trả nên ông H2 có ghi hẹn 03 tháng nữa là ngày 19-12-2023 sẽ trả cho ông Tuấn A 150.000.000 đồng. Nhưng đến hạn ngày 19-12-2023 ông H2 và bà H1 không có tiền trả nên ông H2 có ghi hẹn sau khi bán lúa Đông xuân xong sẽ trả cho ông Tuấn A 150.000.000 đồng.

[6] Xét thấy, cả hai lần hẹn trả nợ, ông Tuấn A chỉ yêu cầu ông H2, bà H1 trả số tiền 150.000.000 đồng (hoàn toàn không có ghi hẹn trả nợ đối với Giấy nợ ngày 19-4-2023) và số tiền phải trả không phải là số tiền 300.000.000 đồng. Do đó, bà Nguyễn Thị H1 và ông Lê Sĩ H2 trình bày chỉ vay ông Nguyễn Hữu Tuấn A số tiền 150.000.000 đồng ngày 19-4-2023 nhưng ông Tuấn A nói mất giấy nợ nên yêu cầu ông H2 bà H1 ký lại giấy nợ mới ngày 19-6-2023 là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bị đơn.

[7] Về yêu cầu tiền lãi: Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và thông nhất lãi thỏa thuận là 3%/tháng. Ông Nguyễn Hữu Tuấn A chỉ yêu cầu tính từ ngày vay 19-4-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 23-7-2024 với mức lãi suất 1.67% tháng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Lãi được tính như sau:  $150.000.000 \text{ đồng} \times 1.67\% / \text{tháng} \times 15 \text{ tháng} = 37.909.000 \text{ đồng}$ .

[8] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị H1 và ông Lê Sĩ H2 phải có nghĩa vụ trả cho Ông Nguyễn Hữu Tuấn A số tiền gốc vay là 150.000.000 đồng, tiền lãi 37.909.000 đồng; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Tuấn A đối với yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H1 và ông Lê Sĩ H2 trả số tiền vay 150.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày vay 19-6-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 23-7-2024 với số tiền lãi 32.899.000 đồng ( $150.000.000 \text{ đồng} \times 1.67\% / \text{tháng} \times 13 \text{ tháng} = 32.899.000 \text{ đồng}$ ) là có căn cứ.

[9] Ông Tuấn A kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[10] Tuy nhiên, các bên không có thỏa thuận về việc trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên “Kể từ ngày tiếp

theo của ngày xét xử sơ thẩm...” còn phải chịu thêm khoản tiền lãi là không chính xác. Trong trường hợp này phải áp dụng như sau: “Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.”, nên cần điều chỉnh lại cho đúng.

[11] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Tuấn A là có căn cứ.

[12] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông Tuấn A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hữu Tuấn A;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 73/2024/DS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các điều: 35, 39, 217, 219, 147, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Tuấn A đối với bà Nguyễn Thị H1 và ông Lê Sĩ H2 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị H1 và ông Lê Sĩ H2 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu Tuấn A tổng cộng 187.909.000 đồng bao gồm 150.000.000 đồng tiền gốc vay và tiền lãi là 37.909.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Tuấn A đối với bà Nguyễn Thị H1 và ông Lê Sĩ H2 đối với số tiền 182.899.000 đồng bao gồm 150.000.000 đồng tiền gốc vay và tiền lãi là 32.899.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H1 và ông Lê Sĩ H2 liên đới chịu 9.395.000 đồng; ông Tuấn A chịu 9.145.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 8.314.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008448 ngày 11-6-2024 và 689.000 đồng theo biên lai thu số 0009009 ngày 19-6-2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thủ Thừa để thi hành án phí. Ông Tuấn A còn phải chịu 142.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Hữu Tuấn A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm án phí phúc thẩm theo biên lai số 0009087 (không ghi ngày, tháng, năm) của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thủ Thừa để thi hành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thu**